

Số: 59/2026/QĐST-HNGĐ

Lâm Đồng, ngày 13 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 85/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1985; địa chỉ: **Thôn B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng**.

- Bị đơn: Ông **Nông Tiến S**, sinh năm 1988; địa chỉ: **Thôn B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng**.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2026.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Bùi Thị L** và ông **Nông Tiến S**.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - Về con chung: Giao con chung **Nông Thị Bích N**, sinh năm 12/11/2011 cho bà **Bùi Thị L** là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Giao con chung **Nông Văn T**, sinh năm 19/7/2014

cho ông **Nông Tiến S** là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Hai bên tự thoả thuận cấp dưỡng nuôi con chung.

*Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.*

- Về tài sản chung: Bà **Bùi Thị L** và ông **Nông Tiến S** không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà **Bùi Thị L** và ông **Nông Tiến S** không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Bà **Bùi Thị L** tự nguyện nhận nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà **L** đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004465 ngày 19/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả lại cho bà **Bùi Thị L** số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

## THẨM PHÁN

### *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Lâm Đồng (01);
- VKSND KV5 - Lâm Đồng (02);
- Phòng THADS KV5 - Lâm Đồng (01);
- UBND xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án (03).



**Nguyễn Thị Mỹ Diễm**